

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/11/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Trí;
2. Ông Đỗ Trọng Hoàn.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Bình - Thư ký tòa án ND huyện Thọ Xuân.

*- Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân:* Không tham gia.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020; quyết định hoãn phiên Tòa số: 46/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 đều của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị Ý N - Sinh năm 1993; Hiện trú tại: Khu 2, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K - Sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu 5, TT. T. X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt..

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Về quan hệ hôn nhân:*

*- Nguyên đơn, chị N trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Trung K lấy nhau do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND TT. T. X, huyện Thọ Xuân số, 57 ngày 27/11/2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân do anh K ham chơi không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi cọ và cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân đến nay đã hơn 10 tháng. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh K.

- *Bị đơn, anh Nguyễn Trung K trong quá trình giải quyết vụ án, trình bày ý kiến:*

Chị và anh Nguyễn Trung K lấy nhau do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND TT. T. X, huyện Thọ Xuân vào ngày 27/11/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đưa đơn ra Tòa. Anh K không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ.

\* *Về con chung:* Chị N và anh K xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 23/5/2016 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 06/01/2020.

- Ý kiến chị N: Khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến anh K: Anh K không muốn ly hôn nên không đề nghị Tòa án xem xét về việc nuôi con.

\* *Về tài sản và công nợ:* Chị N và anh K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, người trực tiếp nuôi con. Bị đơn, anh K có địa chỉ tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh K.

[2]. Về hôn nhân: Chị N và anh K kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND TT. T. X, huyện Thọ Xuân ngày 27/11/2015. Nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh K, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của hai bên đương sự thì trong quá trình

chung sống vợ chồng phát sinh Nều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm và thực tế vợ chồng đã không chung sống cùng nhau từ Nều tháng nay, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không còn nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết để ly hôn anh K, anh K không đồng ý. Tuy Nền, quá trình giải quyết vụ án anh K không đến tham phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Thời điểm rất quan trọng để có thể hướng tới việc đoàn tụ của hai vợ chồng. Điều này thể hiện anh K chưa thật sự muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

[3]. Về con chung: Anh K và chị N xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 23/5/2016 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 06/01/2020.

Xét nguyện vọng, ý kiến của các đương sự, thực tế cuộc sống của hai bên và căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị N. Giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con là cháu Phương L và cháu Phương A. Bởi lẽ, từ khi vợ chồng không chung sống cùng nhau đến nay, cả hai cháu đều ở với chị N và được chăm nuôi tốt. Chị N có nơi ở, thu nhập từ lương hàng tháng ổn định (chị N hiện đang làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân Lê Lợi - địa chỉ: Khu 2, TT. T. X, huyện Thọ Xuân).

Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị N và anh K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

- *Về hôn nhân:* Chị Chu Thị Ý N được ly hôn anh Nguyễn Trung K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 27/11/2015 của UBND TT. T. X, huyện Thọ Xuân cấp cho chị N và anh K không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Giao cho chị Chu Thị Ý N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Phương L, sinh ngày 23/5/2016 và cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 06/01/2020, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản*: Chị Chu Thị Ý N và anh Nguyễn Trung K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0006091 ngày 26/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, chị N đã nộp đủ.

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thọ Xuân
- Chi cục THA DS huyện Thọ Xuân;
- UBND TT. T. X, huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến Dũng**